

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải

Bà Lò Thị Hiêng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**; Nơi thường trú: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* Bị đơn: **Anh Hà Văn Ph**; Nơi thường trú: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 35, phân trại 3, Trại giam Yên Hạ, Cục C10, Bộ Công an ; địa chỉ: xã H1, huyện Ph, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Hà Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/01/2001. Vợ chồng tôi chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ph lao vào con đường sử dụng ma túy, đã từng nhiều lần bị bắt và xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy nhưng anh Ph không lấy đó làm bài học để sửa đổi

bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội khiến kinh tế gia đình sa sút, tình cảm vợ chồng sút mẻ. Đến ngày 29/11/2023, anh Hà Văn Ph lại bị Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử, tuyên phạt 05 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 45/2023/HSST. Hiện tại anh Ph đang chấp hành án tại Đội 35, phân trại 3, Trại giam Yên Hạ (Sơn La) nên hai vợ chồng đã sống ly thân, cuộc sống chung không còn duy trì nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho tôi với anh Hà Văn Ph.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Hà Trung Đ sinh ngày 03/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều Tr sinh ngày 09/12/2009. Cháu Đ đã thành niên phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết; tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi cháu thành niên do anh Ph đang chấp hành án không có điều kiện chăm sóc cháu, trong khi tôi có chỗ ở, thu nhập ổn định tại bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/12/2024, sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng toàn bộ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh Ph được biết. Anh Ph đã nhận đủ văn bản và có bản tự khai gửi Toà án với nội dung: anh chị kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/01/2001. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, anh vẫn còn tình cảm với chị nên anh không nhất trí ly hôn. Về con chung, do anh đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ không có điều kiện nuôi dưỡng nên nhất trí với nguyện vọng của chị H. Về tài sản, nợ, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Ph còn có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, có xác nhận của Trại giam Yên Hạ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh Ph nhưng anh Ph đang chấp hành án, không tham gia phiên họp được. Chị H có ý kiến do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị không tiến hành hoà giải để đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp cho anh Ph được biết cùng Quyết định định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Hà Thị Kiều Tr, về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản và nợ như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị H và anh Ph kết hôn vào ngày 29/01/2001 nên Tòa án áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, anh Ph đã Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất (có đơn xin xét xử vắng mặt) nên căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Chăn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND phường N do chị H cung cấp cho thấy: Quá trình chung sống, chị H và anh Ph phát sinh mâu thuẫn do anh Ph lao vào con đường ma túy, từng nhiều lần bị xét xử và đi chấp hành án tù, gần đây nhất là án phạt 05 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 45/2023/HSST của TAND thành phố Điện Biên Phủ. Do anh Ph từng nhiều lần mắc sai lầm nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố tình lao vào con đường tù tội khiến kinh tế gia đình sa sút, tình cảm rạn nứt, vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung mà phải ly thân nhau khiến cuộc hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay chị H không còn tình cảm với anh Ph. Xét thấy cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Ph đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa cũng như đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặc dù anh Ph có trình bày trong bản tự khai là vẫn còn tình cảm với chị H, không nhất trí ly hôn nhưng bản thân anh Ph đang chấp hành án phạt 05 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, trước đó cũng từng nhiều lần bị bắt và xét xử liên quan đến

tội phạm về ma túy chứng tỏ anh Ph không có ý thức thay đổi bản thân, sửa chữa lỗi lầm để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc với chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để bảo đảm quyền lợi cho chị H và để giải phóng cho chị khỏi cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân thời gian dài nên đã vi phạm Điều 19 về nghĩa vụ của vợ chồng trong việc duy trì sống chung với nhau, duy trì sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn với anh Ph.

[5.2] Về con chung:

Chị H và anh Ph có hai con chung là cháu Hà Trung Đ sinh ngày 03/12/2001 và cháu Hà Thị Kiều Tr sinh ngày 09/12/2009. Cháu Đ đã thành niên phát triển bình thường nên HĐXX không xem xét. Xét nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Kiều Tr là chính đáng vì cháu Tr là con gái, nên cần sự chăm sóc, quan tâm thường xuyên của người mẹ. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của chính cháu Tr. Mặt Kc, tại đơn xác nhận điều kiện kinh tế do chị H cung cấp, có xác nhận của UBND phường N thể hiện chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên sẽ đảm bảo điều kiện kinh tế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Do đó, căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị H: giao cháu Hà Thị Kiều Tr sinh ngày 09/12/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.3] Về tài sản chung: Do các đương không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Ph
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hà Thị Kiều Tr sinh ngày 09/12/2009 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi Kc.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001086 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền Kng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã Thanh Chăn, H.Điện Biên,
- t. Điện Biên (nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

